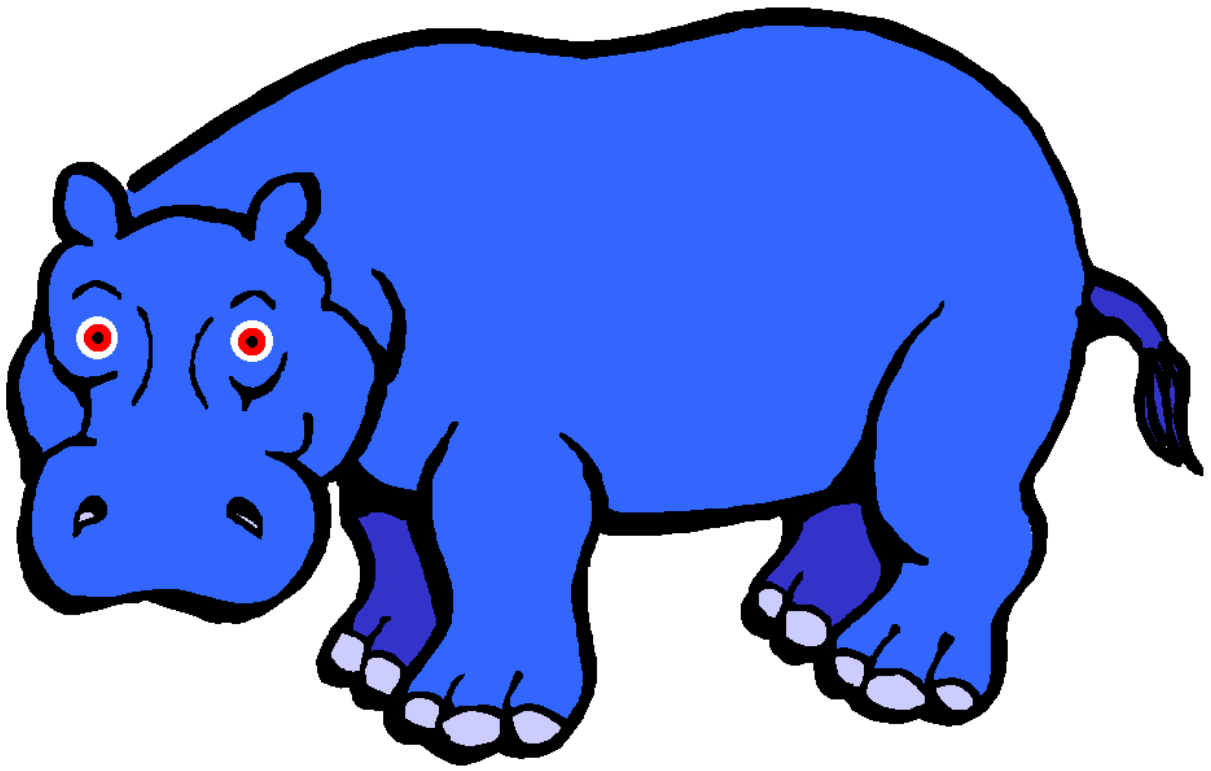


bái xióng      bái xióng      nǐ zài tīngshén me

白熊，白熊，你在听什么？



shī zǐ   shī zǐ   nǐ zài tīngshén me  
狮子，狮子，你在听什么？

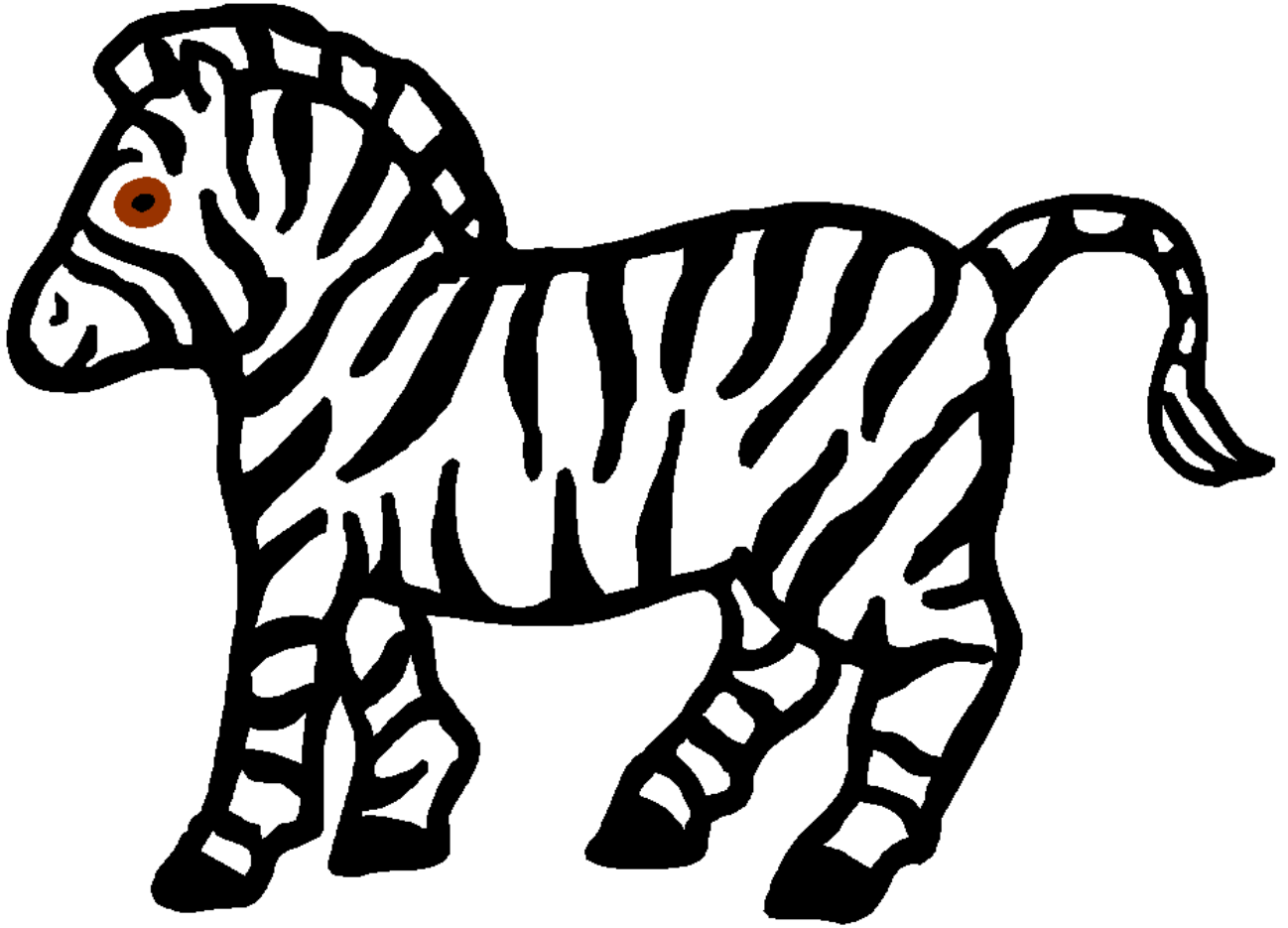


hé mǎ hé mǎ nǐ zài tīngshén me  
河马,河马,你在听什么?

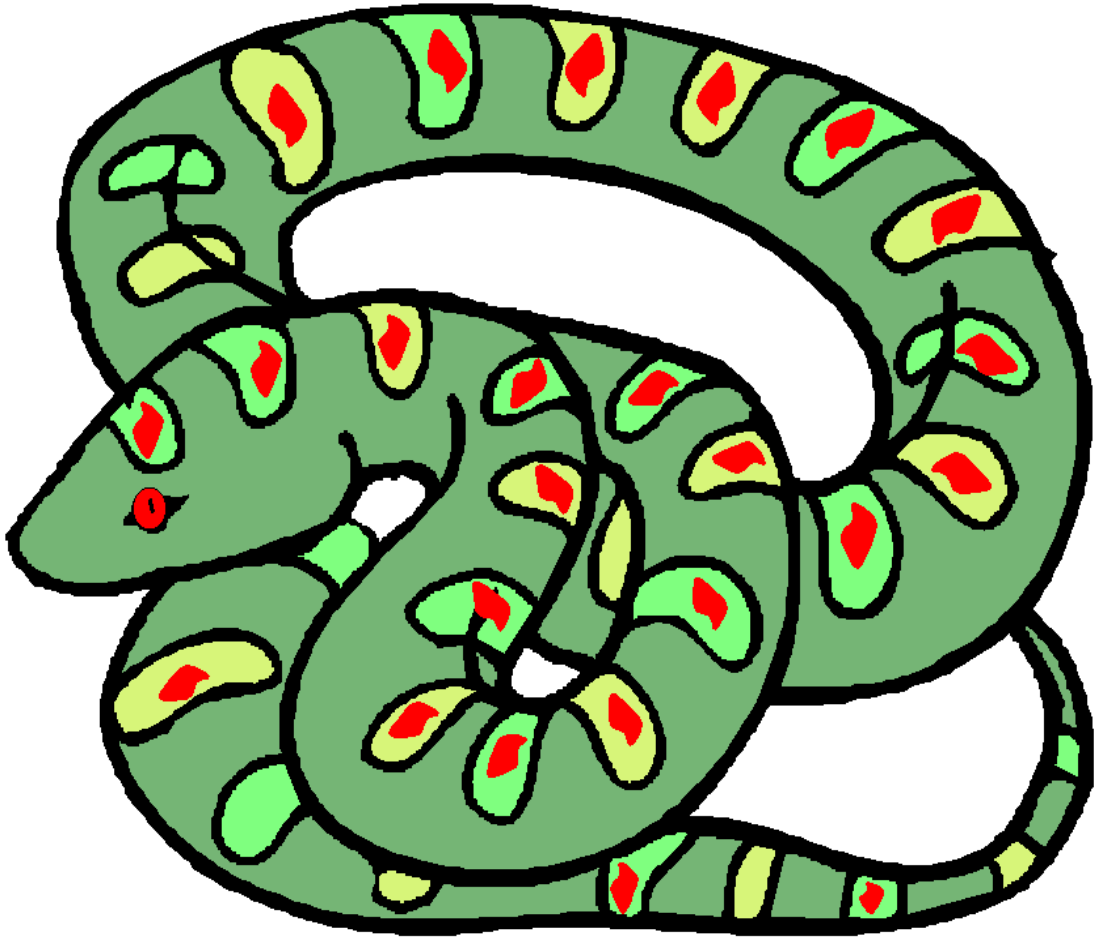


huǒ niǎo huǒ niǎo nǐ zài tīngshén me

火鸟,火鸟,你在听什么?

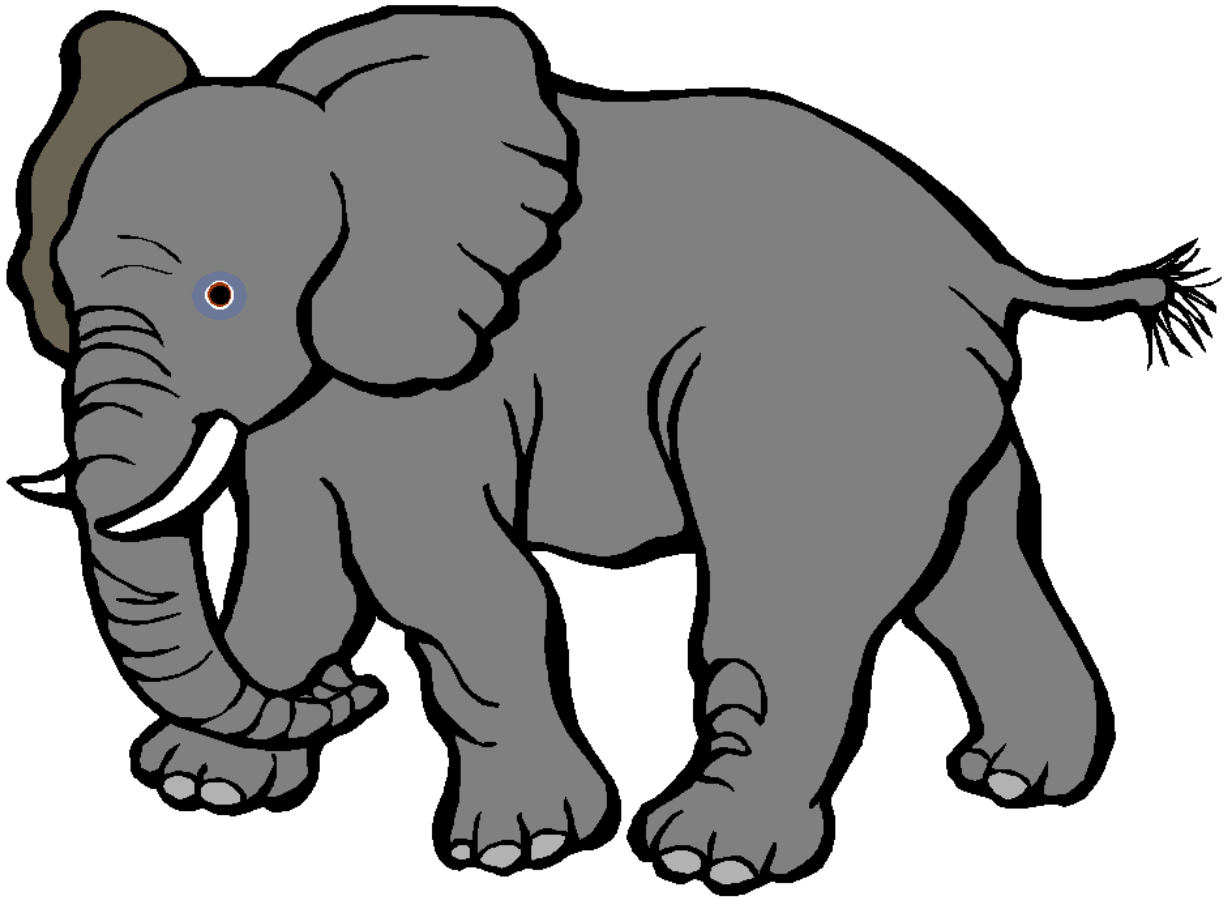


bān mǎ    bān mǎ    nǐ zài tīngshén me  
斑马, 斑马, 你在听什么?

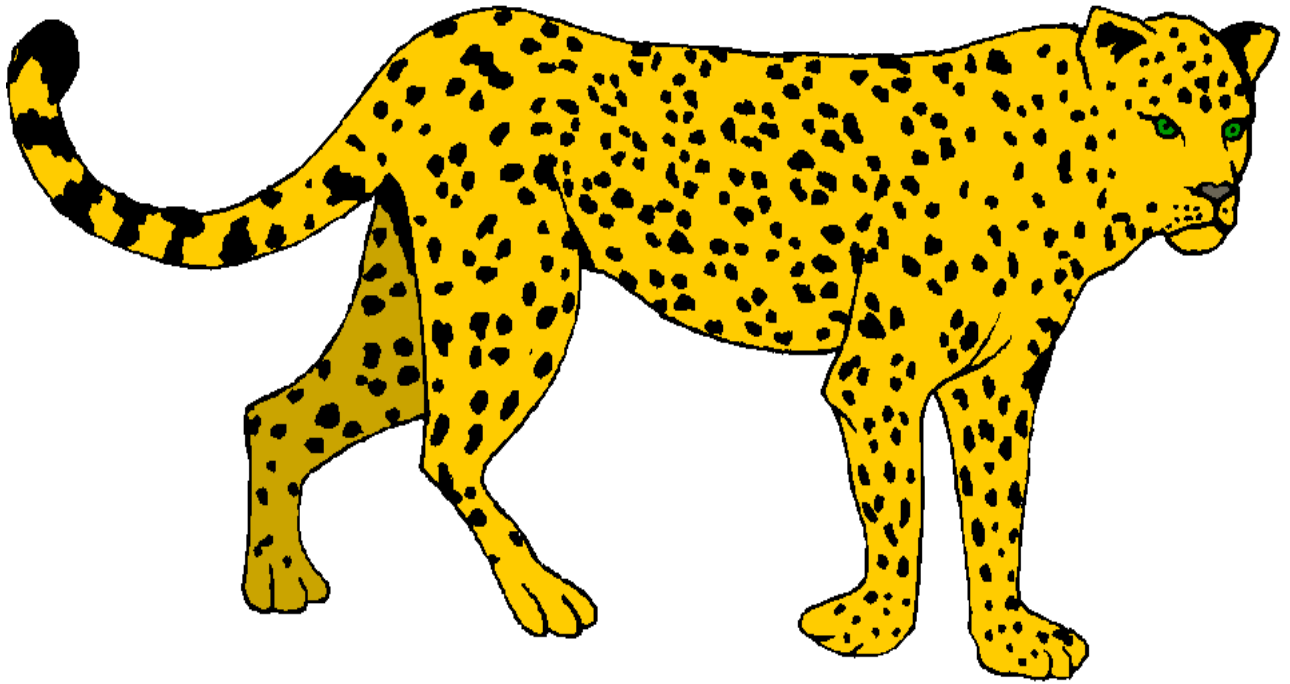


shé shé nǐ zài tīngshén me

蛇, 蛇, 你在听什么?



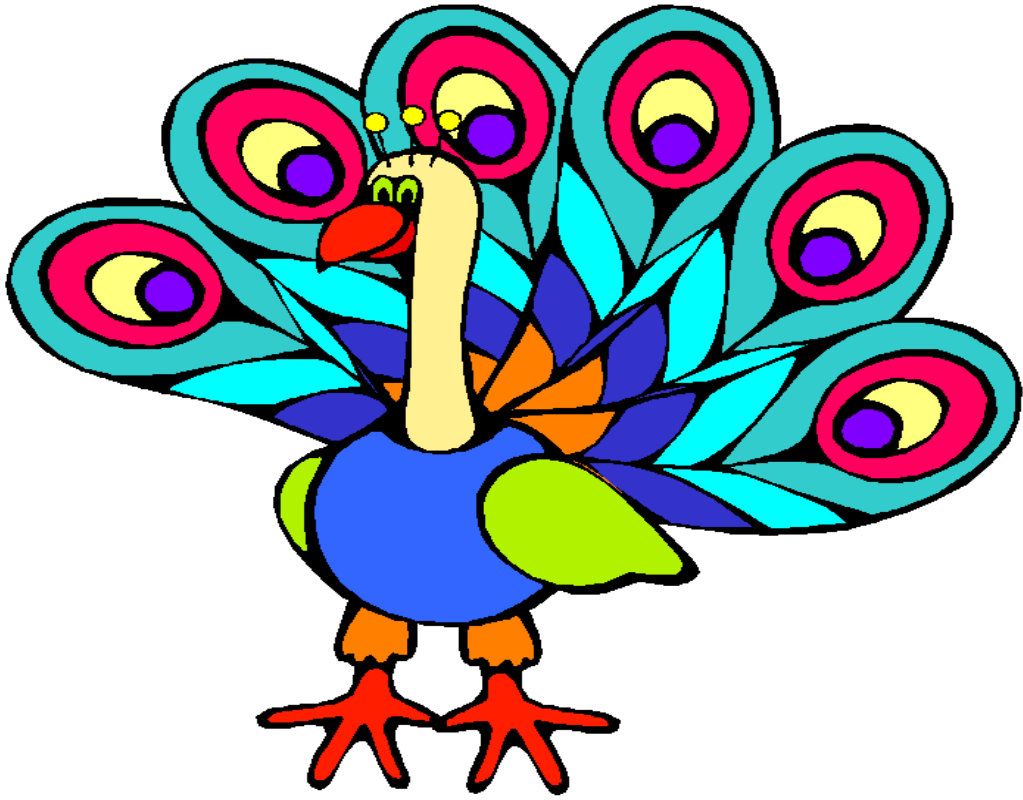
dà xiàng dà xiàng nǐ zài tīngshén me  
大象,大象,你在听什么?



bào zǐ      bào zǐ      nǐ zài tīngshén me

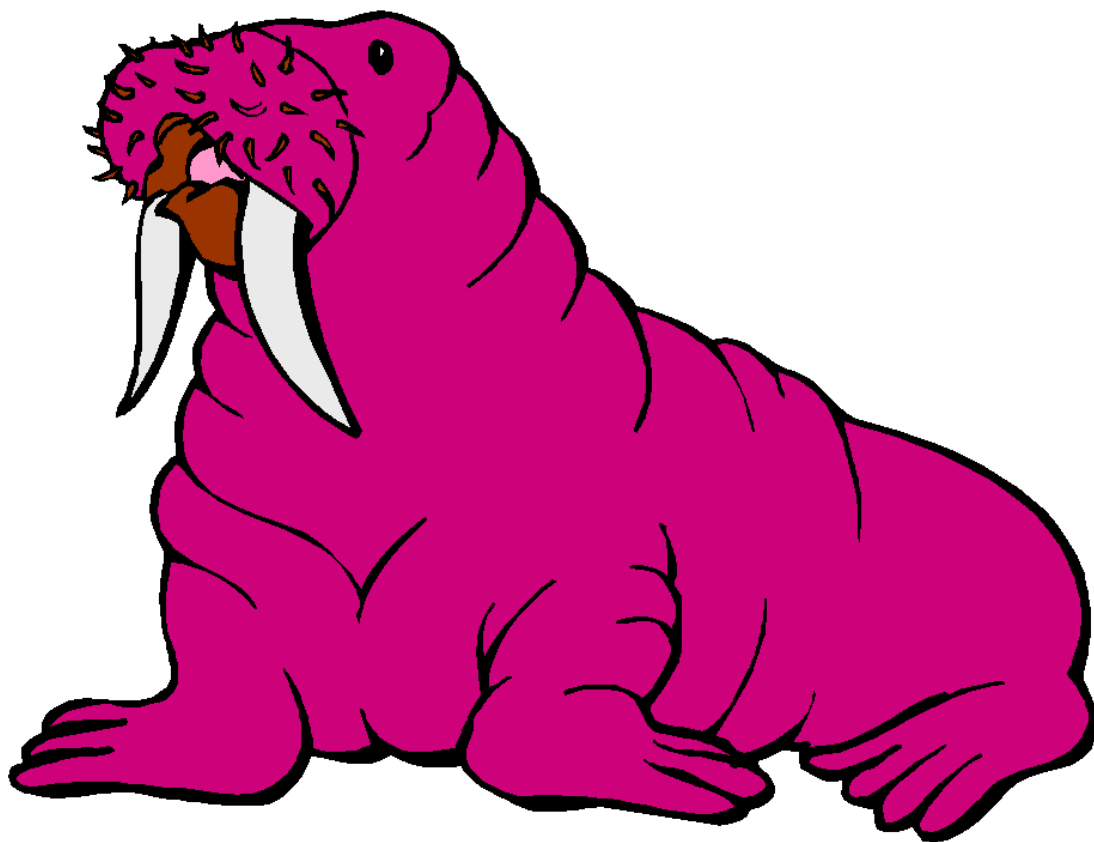
豹子，豹子，你在听什么？





kǒng què kǒng què nǐ zài tīngshén me

孔雀，孔雀，你在听什么？



hǎi xiàng   hǎi xiàng   nǐ zài tīngshén me  
海象，海象，你在听什么？



dòng wù yuán guǎn lǐ yuán nǐ zài tīng shén me

动物园管理员，你在听什么？



hái zǐ men   hái zǐ men   nǐ zài tīngshén me  
孩子们, 孩子们, 你在听什么?